

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 22-6-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ Thơm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Ông Đặng Hữu Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 611/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: số 44/4A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Đoàn Cao S, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 8/21, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Giữa bà và ông Đoàn Cao S quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An

Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông S không có trách nhiệm với gia đình, thiếu tôn trọng bà H và gia đình nên vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Bà H đã cho ông S nhiều cơ hội sửa đổi nhưng cũng không cải thiện được. Mâu thuẫn càng thêm trầm trọng nên bà đã ly thân gần một năm nay. Nay nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bài yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Cao S.

*Về con chung:* Có một con chung chưa trưởng thành tên Đoàn Nguyễn Anh N, sinh ngày 17/4/2010. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* bà H trình bày giữa bà và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đoàn Cao S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông S không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay:* Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời gian theo quy định pháp luật.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:* đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* *Đối với nội dung vụ án:* căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử có cân nhắc khi quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Ông Đoàn Cao S đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông S vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đoàn Cao S.

[3] *Về hôn nhân*: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Cao S là hôn nhân hợp pháp bởi ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông, bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được. Tòa án cũng tạo điều kiện cho ông, bà có thời gian hàn gắn nhưng vẫn không có sự đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đoàn Cao S.

[4] *Về nuôi con chung*: Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị H thì bà và ông Đoàn Cao S có một con chung chưa trưởng thành là cháu Đoàn Nguyễn Anh N, do bà H đang nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung được bà H đang giáo dục, chăm sóc và được đi học, quyền lợi của con chung được đảm bảo, nên bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đoàn Nguyễn Anh N, sinh ngày 17/4/2010, bà H và gia đình của bà H không được cản trở ông S thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: bà H trình bày giữa bà giữa bà và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S không có lời khai, vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nên không đối chất được về tài sản chung và nợ chung có hay không, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Cao S.

*2. Về nuôi con chung:*

2.1. Giao con chung là Đoàn Nguyễn Anh N, sinh ngày 17/4/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Bà H và các thành viên trong gia đình của bà không được cản trở ông S thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

2.2. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*3. Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

*4. Về án phí:* Bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003640 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà H đã nộp đủ.

*5. Về quyền kháng cáo:* Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông S vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTPLX;
- THA DS.TP.L
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ Thơm**